

Bản án số: 29/2017/KDTM-PT

Ngày: 04/5/2017

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Ngọc Thành**

Các Thẩm phán : Ông **Hoàng Minh Thành**

Bà **Nguyễn Thị Thúy Hạnh**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà **Nguyễn Thị Thu Huyền**- Cán bộ
Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: ông **Đỗ Hoàng Tân**-
Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03/5/2017 và 04/5/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 88/2016/TLPT-KDTM ngày 07/12/2017 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm 05/2016/KDTM- ST ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân quận NTL, TP Hà Nội bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2017/QĐXX-PT ngày 21/03/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2017/QĐPT- KDTM ngày 11/4/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2017/QĐPT- KDTM ngày 25/4/2017, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP E

Trụ sở: đường LTT, phường BN, quận 1, TP Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Văn Q- chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Toàn T (theo Giấy ủy quyền số 302/2016/E/UQ- TGD ngày 28/4/2016) (ông T có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Công ty CP Q

Trụ sở: khu đô thị MĐ, phường MĐ, quận NTL, TP Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị Lệ H- chức vụ: Giám đốc (bà H có mặt tại phiên tòa)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư **Nguyễn Đức L** và Luật sư **Nguyễn Thu A**- Văn phòng Luật sư NKT thuộc Đoàn luật sư TP Hà Nội (ông L và bà A có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- **Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1938;**

- **Bà Đỗ Thị Q, sinh năm 1942.**

Cùng địa chỉ: tập thể QL, phường QL, quận HBT, TP Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền cho ông T và bà Q: bà **Nguyễn Thị Lệ H**, sinh năm 1971 (trú tại khu đô thị MĐ, phường MĐ, quận NTL, TP Hà Nội (bà H có mặt tại phiên tòa).

NHẬN THẤY

Theo Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2016/KDTM- ST ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân quận NTL, TP Hà Nội thì vụ án có nội dung như sau:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP trình bày:

Ngày 14/11/2011, Ngân hàng TMCP E (sau đây viết tắt là Ngân hàng E) đã ký kết hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ với Công ty CP Q (sau đây gọi tắt là Công ty Q) Hợp đồng tín dụng số 1701-LAV201101190 ngày 14/11/2011; Khế ước nhận nợ số 1701-LDS-201102282 ngày 14/11/2011, cụ thể:

- Số tiền vay: 3.100.000.000 đồng;

- Thời hạn vay: từ ngày 14/11/2011 đến ngày 14/07/2012;

- Mục đích cho vay: thanh toán tiền tổ chức sự kiện;

- Lãi suất cho vay: 21%/năm;

- Chu kỳ thay đổi lãi suất:

+ Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 01 tháng một lần, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;

+ Lãi suất được điều chỉnh áp dụng cho toàn bộ dư nợ của hợp đồng này từ thời điểm điều chỉnh cho đến thời điểm điều chỉnh tiếp theo ...

- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay: là quyền sử dụng 58,70m² đất ở, hình thức sử dụng riêng và toàn bộ tài sản trên đất tại địa chỉ tại TT QL, phường QL, quận HBT, TP Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đứng tên ông Nguyễn Duy T và vợ là bà Đỗ Thị Q. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng ngày 11/11/2011 tại Phòng công chứng số 3- TP Hà Nội. Đăng ký giao

dịch đảm bảo ngày 14/11/2011 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà UBND quận HBT.

Khối tài sản đảm bảo cho khoản vay hiện ông T và bà Q đang quản lý, sử dụng, kể từ khi thế chấp cho đến nay khối tài sản vẫn giữ nguyên hiện trạng.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Q đã trả 341.209.200 đồng tiền lãi, sau đó không trả được nữa. Đến thời hạn trả gốc Công ty cũng không thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Do vậy, phía Ngân hàng đã thông báo nhiều lần yêu cầu thanh toán nợ, nhưng Công ty không thanh toán và khoản nợ của Công ty đã chuyển sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng đề nghị: buộc Công ty Q thanh toán toàn bộ khoản tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ, tính đến ngày 19/8/2016, cụ thể:

Tổng tiền gốc, tiền lãi là: 5.491.563.890 đồng, trong đó:

- Tiền nợ gốc: 3.100.000.000 đồng;
- Tiền lãi trong hạn: 1.709.606.946 đồng;
- Tiền lãi quá hạn: 681.956.944 đồng.

Ngoài ra, Công ty Q cũng phải tiếp tục trả khoản lãi tính theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng E.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật Công ty Q không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng E được quyền đề nghị cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không thanh toán đủ số nợ cho Ngân hàng E thì Công ty có trách nhiệm thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng.

Bị đơn Công ty CP Q do bà Nguyễn Thị Lệ H là đại diện trình bày:

Ngày 14/11/2011, Ngân hàng E chi nhánh LB đã cho Công ty Q vay số tiền 3.100.000.000 đồng. Theo Hợp đồng tín dụng số 1701-LAV201101190 ngày 14/11/2011; Khế ước nhận nợ số 1701-LDS-201102282 ngày 14/11/2011. Thời hạn vay từ ngày 14/11/2011 đến ngày 14/07/2012

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sở hữu, sử dụng TT QL, phường QL, quận HBT, TP Hà Nội, được UBNDTP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 24/07/2002 đứng tên ông Nguyễn Duy T và bà Đỗ Thị Q. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng ngày 11/11/2011 tại Phòng công chứng Số 3- TP Hà Nội. Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 14/11/2011 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà UBND quận HBT.

Khôi tài sản này hiện tại ông T và bà Q đang quản lý sử dụng và từ khi thế chấp đến nay vẫn giữ nguyên hiện trạng.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty đã trả được một phần lãi thì không trả được nữa vì Công ty gặp khó khăn. Việc khởi kiện của Ngân hàng, phía Công ty không có ý kiến gì và sẽ có trách nhiệm trong việc trả nợ. Do Công ty gặp khó khăn nên Công ty đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ các khoản tiền lãi phát sinh.

Đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Nguyễn Duy T, bà Đỗ Thị Q) là bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày:

Ông Nguyễn Duy T và bà Đỗ Thị Q đã dùng khôi tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo lãnh cho Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng E và Công ty Q (Hợp đồng tín dụng số 1701LAV201101190 ngày 14/11/2011) với số tiền vay là 3.100.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 14/01/2011 đến ngày 14/7/2012; tài sản đảm bảo là quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất, tại địa chỉ TT QL, phường QL, quận HBT, TP Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do UBND TP Hà Nội cấp ngày 24/07/2002 đứng tên ông Nguyễn Duy T và bà Đỗ Thị Q. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng ngày 11/11/2011 tại Phòng công chứng số 3- TP Hà Nội. Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 14/11/2011 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà UBND quận HBT.

Ông T và bà Q sẽ tự nguyện tuân thủ mọi quy định của pháp luật, tự nguyện cùng Công ty thanh toán khoản nợ nói trên. Ông bà đề nghị phía Ngân hàng cơ cấu lại khoản nợ để ông bà cùng Công ty có thời gian trả nợ.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay hiện do ông T, bà Q đang quản lý sử dụng, kể từ thời điểm thế chấp đến nay vẫn giữ nguyên hiện trạng.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2016/KDTM- ST ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân quận NTL đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, về việc “Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng TMCP E đối với Công ty CP Q.

- Buộc Công ty CP Q phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP E, số tiền nợ gốc, tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng là 5.520.626.390 đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 3.100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 2.420.626.390 đồng.

Trường hợp Bản án có hiệu lực pháp luật mà Công ty CP Q không trả hoặc trả không đầy đủ các khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh trên theo Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng TMCP E có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ, cụ thể khôi tài sản là quyền sử dụng 58,70m² đất ở, hình thức sử dụng riêng và toàn bộ tài sản trên đất tại địa chỉ TT QL, phường QL, quận HBT, TP Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do UBND TP Hà Nội cấp ngày 24/07/2002 đứng tên ông Nguyễn Duy T và bà Đỗ Thị Q. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng ngày

11/11/2011 tại Phòng công chứng Số 3- TP Hà Nội. Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 14/11/2011 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà UBND quận HBT.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm nêu trên bị đơn, Công ty Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh D, bà Đỗ Thị Q kháng cáo toàn bộ đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2016/KDTM-ST ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân quận NTL, với lý do là Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét đầy đủ Bản án, lãi suất phía Ngân hàng tính chưa rõ ràng, số liệu không khớp và lãi suất quá cao dẫn đến buộc bị đơn phải trả tiền cho Ngân hàng, trong trường hợp bị đơn không trả được thì tài sản mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thế chấp cho bị đơn vay tiền sẽ bị phát mại để bảo đảm thu nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Đại diện của nguyên đơn Ngân hàng E trình bày: Ngân hàng giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do các yêu cầu kháng cáo không có cơ sở và căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên các quyết định của Bản án sơ thẩm, yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng cả gốc và lãi.

Ngân hàng không chấp nhận ý kiến của Luật sư về việc điều chỉnh lãi suất cho Công ty Q theo quy định tại Thông tư số 33/2012/TT- NHNN ngày 21/12/2012 của Ngân hàng nhà nước do Hợp đồng tín dụng mà Ngân hàng E và Công ty Q ký kết không thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư này.

Hơn nữa, Luật sư viện dẫn các quy định của Bộ luật dân sự về lãi suất (Điều 305, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005) để đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng về cách tính lãi đối với Công ty Q theo lãi suất cơ bản là không có căn cứ, bởi lẽ đây là quan hệ Hợp đồng tín dụng và chịu sự điều chỉnh của Luật các tổ chức tín dụng.

Đại diện của bị đơn là Công ty Q trình bày:

Công ty Q đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại Bản án, đặc biệt về cách tính lãi của Ngân hàng E là chưa đúng. Căn cứ vào bảng kê tính lãi Ngân hàng E xuất trình tại phiên tòa thì Ngân hàng đã không điều chỉnh lãi suất theo thỏa thuận mà hai bên đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng, ví dụ như giai đoạn từ 08/12/2014 đến 23/5/2014, theo thông báo lãi suất của Ngân hàng E thì phải điều chỉnh lãi suất xuống 9%/năm nhưng Ngân hàng E vẫn áp mức lãi suất 10%/năm là ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty Q.

Hơn nữa, thực tế thì hiện nay Công ty Q đang gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình kinh doanh, đề nghị Ngân hàng E tạo điều kiện cho Công ty được cơ cấu lại khoản nợ và giảm tiền lãi để Công ty thu xếp trả nợ dần cho Ngân hàng.

Về yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là nhà đất đứng tên ông Nguyễn Duy T và bà Đỗ Thị Q: Công ty Q sẽ có trách nhiệm trả nợ, tuy nhiên do hiện nay Công ty đang rất khó khăn nên đề nghị Ngân hàng E tạo điều kiện cho Công ty được trả nợ dần và tạo điều kiện để ông T, bà Q có chỗ ở vì ông bà đã già và không có chỗ ở nào khác.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại Bản án đặc biệt là về yêu cầu tính lãi do Ngân hàng E áp dụng mức lãi suất quá cao và không đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định về cách tính lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 305, khoản 1 Điều 476, khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Thông tư số 33/2012/TT- NHNN ngày 21/12/2012 của Ngân hàng nhà nước để điều chỉnh mức lãi suất áp dụng đối với Công ty Q.

Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và không chấp nhận cách tính lãi suất của nguyên đơn, hủy Bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án để nguyên đơn tính lại lãi trong hạn và lãi quá hạn cho đúng quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: đề nghị Ngân hàng E tạo điều kiện để Công ty Q thu xếp trả nợ dần và không phải phát mại tài sản thế chấp của ông Nguyễn Duy T và bà Đỗ Thị Q vì hiện nay ông bà đã già và không còn chỗ ở nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ thủ tục thụ lý vụ án, mở phiên tòa, điều hành phiên tòa. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, đã được tranh luận và trình bày căn cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì lý do kháng cáo không có cơ sở pháp luật. Giữ nguyên các quyết định của Bản án sơ thẩm.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đó được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: đơn kháng cáo của bị đơn và đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định và các đương sự đã nộp tiền án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là kháng cáo hợp lệ.

Xét các yêu cầu kháng cáo của bị đơn và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 14/11/2011, Ngân hàng E và Công ty Q có ký kết Hợp đồng số 1701-LAV201101190 ngày 14/11/2011; Phụ lục hợp đồng; Khế ước nhận nợ số 1701-LDS-201102282 ngày 14/11/2011, cụ thể:

- Số tiền vay: 3.100.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: từ ngày 14/11/2011 đến ngày 14/07/2012;
- Mục đích cho vay: thanh toán tiền tổ chức sự kiện;
- Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân: 21%/năm;
- Chu kỳ thay đổi lãi suất:

+ Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 01 tháng một lần, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;

+ Lãi suất được điều chỉnh áp dụng cho toàn bộ dư nợ của hợp đồng này từ thời điểm điều chỉnh cho đến thời điểm điều chỉnh tiếp theo ...

- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã trả được một phần lãi. Tuy nhiên, đến hạn trả tiền gốc bị đơn đã không thanh toán như thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mặc dù nguyên đơn đã thông báo nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán nợ, nhưng bị đơn không thanh toán và khoản nợ của bị đơn đã phải chuyển sang nợ quá hạn.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm đại diện của bị đơn thừa nhận bị đơn mới chỉ trả được một phần lãi thì không trả được nữa vì bị đơn gặp khó khăn về tài chính. Như vậy, có đủ căn cứ xác định bên vay là Công ty Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Theo quy định tại mục 2.1, mục 5.3 Phụ lục hợp đồng thì kết thúc thời hạn cho vay Công ty Q không trả hết số nợ gốc thì bị chuyển sang nợ quá hạn và Ngân

hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ dư nợ gốc, tiền lãi phát sinh chưa thanh toán.

Như vậy, Tòa án sơ thẩm xác định dư nợ gốc mà bị đơn phải thanh toán trả cho nguyên đơn 3.100.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp theo quy định của pháp luật (cả nguyên đơn và bị đơn đều không có tranh chấp về khoản tiền này).

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn đề nghị tính lại các khoản lãi theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký Hội đồng xét xử nhận thấy:

Khi hai bên ký kết Hợp đồng tín dụng, Phụ lục hợp đồng các bên đã thoả thuận thời hạn vay, mức lãi suất, lãi phạt quá hạn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối nên có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Hợp đồng tín dụng hai bên ký kết thoả thuận về lãi suất cụ thể như sau: lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 21%/năm; chu kỳ thay đổi lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 01 tháng một lần, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Lãi suất được điều chỉnh áp dụng cho toàn bộ dư nợ của hợp đồng này từ thời điểm điều chỉnh cho đến thời điểm điều chỉnh tiếp theo...; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Theo bảng kê tính lãi và các quyết định điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng E xuất trình, Hội đồng xét xử thấy:

Mức lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Ngân hàng E đã xuất trình các Thông báo lãi suất điều chỉnh thay đổi theo từng thời kỳ (bút lục từ 168 đến 185).

Tuy nhiên, theo bảng kê tính lãi Ngân hàng E xuất trình tại Tòa án thì giai đoạn từ ngày 31/03/2014 đến ngày 30/3/2015 mức lãi suất áp dụng tại thời điểm này của Ngân hàng E là 10%/năm; từ 31/3/2015 đến 23/5/2015 mức lãi suất là 10%/năm, nhưng theo Thông báo lãi suất số 5788/2014/EIB/TB- TGD ngày 08/12/2014 và Thông báo lãi suất số 1312/2015/EIB- TGD ngày 23/3/2015 của Ngân hàng E thì giai đoạn này cần điều chỉnh mức lãi suất nhưng Ngân hàng lại áp dụng mức lãi suất là 10%/năm cho cả hai giai đoạn trên là chưa đúng với Thông báo thay đổi lãi suất của Ngân hàng E, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty Q.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần điều chỉnh mức lãi suất áp dụng đối với Công ty Q, cụ thể là từ ngày 08/12/2014 đến ngày 13/4/2015 áp dụng mức lãi suất 10%; từ ngày 14/4/2015 đến ngày 23/5/2015 áp dụng mức lãi suất 9%/năm. Các giai đoạn khác vẫn giữ nguyên mức lãi suất như bảng kê tính lãi Ngân hàng E đã xuất trình.

Như vậy, yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại về lãi suất là có cơ sở để chấp

nhận, cần sửa Bản án sơ thẩm về phần lãi suất, cụ thể:

- Tiền lãi trong hạn: 1.725.537.501 đồng.

- Tiền lãi quá hạn: 689.922.222 đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền nợ gốc, tiền lãi phát sinh Công ty Q phải trả cho Ngân hàng E là: 5.515.459.723 đồng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định về cách tính lãi suất tại khoản 2 Điều 305, khoản 1 Điều 476, khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Thông tư số 33/2012/TT- NHNN ngày 21/12/2012 của Ngân hàng nhà nước để điều chỉnh mức lãi suất áp dụng đối với Công ty Q, Hội đồng xét xử thấy đây là quan hệ pháp luật tranh chấp Hợp đồng tín dụng, chịu sự điều chỉnh của luật chuyên ngành là Luật các tổ chức tín dụng nên không áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự về tính lãi suất trong vụ án này.

Hơn nữa, theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 33/2012/TT- NHNN ngày 21/12/2012 đã quy định: *“Lãi suất áp dụng đối với các hợp đồng tín dụng được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo hợp đồng tín dụng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng”*. Ngân hàng E và Công ty Q ký kết Hợp đồng tín dụng ngày 14/11/2011, do đó Thông tư số 33/2012/TT- NHNN có hiệu lực ngày 24/12/2012 không áp dụng trong trường hợp này. Như vậy, đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu kê biên, phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng, trong trường hợp Công ty Q không thanh toán được nợ hoặc thanh toán không đầy đủ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tài sản bảo đảm cho khoản vay bao gồm quyền sử dụng 58,70m² đất ở, hình thức sử dụng riêng và toàn bộ tài sản trên đất tại địa chỉ TT QL, phường QL, quận HBT, TP Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do UBNDTP Hà Nội cấp ngày 24/07/2002 đứng tên ông Nguyễn Duy T và bà Đỗ Thị Q. Hợp đồng thế chấp đó được công chứng ngày 11/11/2011 tại Phòng công chứng Số 3- TP Hà Nội. Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 14/11/2011 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà UBND quận HBT. Tài sản đảm bảo cho khoản vay hiện ông T và bà Q đang quản lý, sử dụng, kể từ khi thế chấp cho đến nay khối tài sản vẫn giữ nguyên hiện trạng.

Xét hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo cho khoản vay được ký kết giữa Ngân hàng E, Công ty Q với vợ chồng ông Nguyễn Duy T và bà Đỗ Thị Q là tự nguyện. Các tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của người thế chấp. Hợp đồng được lập tại Phòng công chứng Số 3-TP Hà Nội đã tuân thủ đúng

theo quy định của pháp luật. Các tài sản thế chấp đã được đăng ký bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, nên Hợp đồng thế chấp là hợp pháp. Như vậy, yêu cầu xử lý về tài sản đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng của Ngân hàng E trong trường hợp Công ty Q không thanh toán được nợ hoặc thanh toán không đầy đủ là có căn cứ nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sửa một phần Bản án sơ thẩm về cách tính lãi.

Về án phí: do sửa Bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các điều 293, 294, 307 và 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các điều 122, 318, 322, 717 và 719 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Các điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2016/KDTM-ST ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân quận NTL, TP Hà Nội;

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP E đối với Công ty CP Q về việc “*Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng*”;

3. Buộc Công ty CP Q phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP E, số tiền nợ gốc, tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 1701LAV201101190 ngày 14/11/2011; Khế ước nhận nợ số 1701-LDS-201102282 ngày 14/11/2011, cụ thể:

- Nợ gốc: 3.100.000.000 (ba tỷ một trăm triệu) đồng;
- Tiền lãi trong hạn: 1.725.537.501 (một tỷ bảy trăm hai mươi lăm triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm linh một) đồng;
- Tiền lãi quá hạn: 689.922.222 (sáu trăm tám mươi chín triệu chín trăm hai mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai) đồng.

Tổng số tiền: 5.515.459.723 (năm tỷ năm trăm mười lăm triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi ba) đồng.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm người phải thi hành án tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng, tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong khoản nợ gốc.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật mà Công ty CP Q không trả hoặc trả không đầy các khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng TMCP E có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, cụ thể là quyền sử dụng 58,70m² đất ở, hình thức sử dụng riêng và toàn bộ tài sản trên đất tại địa chỉ TT QL, phường QL, quận HBT, TP Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do UBNDTP Hà Nội cấp ngày 24/07/2002 đứng tên ông Nguyễn Duy T và bà Đỗ Thị Q. Hợp đồng thế chấp đã được Công chứng số 2245.2011/HĐTC ngày 11/11/2011 tại Phòng công chứng Số 3- TP Hà Nội. Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 14/11/2011 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà UBND quận HBT.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

4. Về án phí:

- Ngân hàng TMCP E được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đó nộp 57.300.000 (năm mươi bảy triệu ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số 0003266 ngày 05/6/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự quận NTL, TP Hà Nội; - Công ty CP Q phải chịu 113.520.000 (một trăm mười ba triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Được hoàn lại số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai số 0006606 ngày 12/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự quận NTL, TP Hà Nội. Do vậy, Công ty CP Q còn phải nộp 113.320.000 (một trăm mười ba triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng tiền án phí;

- Ông Nguyễn Duy T và bà Đỗ Thị Q mỗi người được hoàn lại 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí phúc thẩm theo Biên lai số 0006607 ngày 12/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự quận NTL, TP Hà Nội.

Bản án phúc thẩm xử công khai và có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS ND TP Hà Nội;
- TAND quận NTL;
- Chi cục thi hành án dân sự q. NTL;
- Lưu HS, VP, HCTP, TKT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Thành